



Số: 934/2026/PKQPT

Tp. Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT BECAMEX BÌNH PHƯỚC
- Địa điểm lấy mẫu : DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC KHU A
- Địa chỉ : Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.
- Kế hoạch lấy mẫu : Theo hợp đồng số 12/03/2026/HĐBBP-TTKTTNMT ký ngày 09/3/2026
- Tên mẫu : Nước thải
- Ngày lấy mẫu : 11/6/2026
- Ngày nhận mẫu : 11/6/2026
- Thời gian thử nghiệm : 11/6/2026 – 29/6/2026
- Kết quả : Xem trang 2/2
- Kí hiệu, vị trí lấy mẫu :

Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu
11.6.NT01	Nước thải đầu vào tại hố thu gom NMXLNT tập trung khu A
11.6.NT02	Nước thải sau xử lý tại mương quan trắc NMXLNT tập trung khu A

TỔ PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Hồng Nhân

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Đức Cửu



Tp. Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	
				11.6.NT01	11.6.NT02
1.	As ^(*)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	0,0023	0,0020
2.	Hg ^(*)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0004)	KPH (MDL=0,0004)
3.	Pb ^(**)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0096	0,0025
4.	Cd ^(**)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,00022	0,00227

Ghi chú: (1) - Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm đo, mẫu thử; (2) - MDL: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện; (3) - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu mẫu vì sinh, không khí, khí thải; (4) - Đánh dấu () là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS; (5)- Đánh dấu (**) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS và đã được công nhận ISO/IEC 17025:2017; (6) - Đánh dấu (#) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ- Đánh dấu (##) là chỉ tiêu không thuộc phạm vi chứng nhận VIMCERTS thực hiện theo yêu cầu của khách hàng; (7) - Việc sao chép kết quả phân tích này chỉ có giá trị khi được sao chép toàn bộ, không được sao chép một phần kết quả phân tích này khi chưa được sự đồng ý của Trung tâm.*



Số: 944/2026/PKQPT

Tp. Đồng Nai, ngày 01 tháng 7 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT BECAMEX BÌNH PHƯỚC
- Địa điểm lấy mẫu : DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC KHU A
- Địa chỉ : Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.
- Kế hoạch lấy mẫu : Theo hợp đồng số 12/03/2026/HĐBBP-TTKTTNMT ký ngày 09/3/2026
- Tên mẫu : Nước thải
- Ngày lấy mẫu: : 11/6/2026
- Ngày nhận mẫu : 11/6/2026
- Thời gian thử nghiệm : 11/6/2026 – 01/7/2026
- Kết quả : Xem trang tiếp theo
- Kí hiệu, vị trí lấy mẫu :

Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu
11.6.NT01	Nước thải đầu vào tại hố thu gom NMXLNT tập trung khu A
11.6.NT02	Nước thải sau xử lý tại mương quan trắc NMXLNT tập trung khu A

TỔ PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Lê Thị Hồng Nhân

Nguyễn Đức Cửu



Tp. Đồng Nai, ngày 01 tháng 7 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT
				11.6.NT01	11.6.NT02	Cột A (K _q =0,9;K _r =0,9)
1.	Nhiệt độ ^(*)	°C	SMEWW 2550B:2023	30,0	29,5	40
2.	pH ^(**)	--	TCVN 6492:2011	7,60	7,63	6 - 9
3.	Độ Màu ^(*)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	45	<15	50
4.	Amoni (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 5988:1995	7,4	<1,5	4,05
5.	TSS ^(**)	mg/L	TCVN 6625:2000	15	<12	40,5
6.	COD ^(**)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	22	11	60,75
7.	BOD ₅ ^(*)	mg/L	TCVN 6001 - 1 : 2021	9	5	24,3
8.	Cl ⁻ ^(**)	mg/L	TCVN 6194:1996	29	70	405
9.	F ⁻ ^(*)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,65	0,35	4,05
10.	S ²⁻ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	<0,06	<0,06	0,162
11.	Clo dư ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,38	0,08	0,81
12.	Tổng nito ^(**)	mg/L	TCVN 6638 : 2000	14	4	16,2
13.	Tổng photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&D.2023	0,72	0,54	3,24
14.	Cu ^(**)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,12	KPH (MDL=0,04)	1,62
15.	Zn ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	2,43
16.	Ni ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	0,162
17.	Mn ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	0,405
18.	Fe ^(**)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	<0,09	0,81



Tp. Đồng Nai, ngày 01 tháng 7 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19.	Cr ^{6+*}	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,041
20.	Cr ^{3+*}	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,162
21.	Tổng Xyanua ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E:2023	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	0,054
22.	Tổng Phenol ^(*)	mg/L	SMEWW 5530.B&C:2023	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	0,081
23.	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	4,1	<3,9	4,05
24.	Chất hoạt động bề mặt ^(*)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	<0,06	KPH (MDL=0,02)	--
25.	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	92.000	1.100	3.000
26.	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(#)	Bq/L	TCVN 6053:2021	< 0,0100	0,011	0,081
27.	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(#)	Bq/L	TCVN 6219:2021	0,85	0,66	0,81

Ghi chú: (1) - Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm đo, mẫu thử; (2) - MDL: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện; (3) - Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu mẫu vì sinh, không khí, khí thải; (4) - Đánh dấu ^(*) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS; (5) - Đánh dấu ^(**) là chỉ tiêu đã được chứng nhận VIMCERTS và đã được công nhận ISO/IEC 17025:2017; (6) - Đánh dấu ^(#) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ- Đánh dấu ^(##) là chỉ tiêu không thuộc phạm vi chứng nhận VIMCERTS thực hiện theo yêu cầu của khách hàng; (7) - Việc sao chép kết quả phân tích này chỉ có giá trị khi được sao chép toàn bộ, không được sao chép một phần kết quả phân tích này khi chưa được sự đồng ý của Trung tâm.